

Số: 03/2021/QĐST-DS

TP. Thái Bình, ngày 23 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2020/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1947; Địa chỉ: Tổ dân phố số x, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1958; Địa chỉ: Xóm y, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố số v, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị N, Phạm Thị L, Phạm Thị N1: Ông Nguyễn Ngọc T – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH số z Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Ông Phạm Đình T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Tổ dân phố số s, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đình T: Anh Phạm Thanh T1, sinh năm 1977, Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố số s, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Nơi ở hiện nay: Số nhà b, đường N, tổ t, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Theo văn bản ủy quyền số 3663, quyền số 08/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 10/12/2019.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1976;

2. Bà Đào Thị H1, sinh năm 1981;

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố số g, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Văn H và bà Đào Thị H1: Ông Lê Tiến D – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH số z Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phí Thị L, sinh năm 1956;

2. Anh Phạm Thanh T2, sinh năm: 1982;

3. Chị Bùi Thị Thùy D, sinh năm: 1982;

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố số s, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phí Thị L, anh Phạm Thanh T, chị Bùi Thị Thùy D: Anh Phạm Thanh T2, sinh năm 1977, Tổ dân phố số s, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Nơi ở hiện nay: Số nhà b, đường N, tổ t, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Theo văn bản ủy quyền số 316, quyền số 01/SCT/CK,ĐC ngày 08/7/2021.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của ông Phạm Đình T, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị N1 về việc chia quyền sử dụng đất của cụ Phạm Đình T3 và cụ Ngô Thị L theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 14 tháng 3 năm 2007 tại Phòng tư pháp thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình như sau:

2.1.1. Bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị N1 được quyền sử dụng diện tích đất 110,3m² thuộc một phần thửa đất số xxx, tờ bản đồ số c phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

vào sổ cấp GCN: zzz ngày 10/10/1996 cho cụ Ngô Thị L có vị trí kích thước như sau:

- Phía Đông Bắc dài 4,93 mét giáp đất nhà ông Phạm Đình T.
- Phía Tây Nam dài 14,47 mét giáp phần đất chia cho ông Phạm Đình T.
- Phía Đông dài 2,61 mét + 8,79 mét giáp vỉa hè đường V.
- Phía Tây Bắc dài 10,27 mét + 4,48 mét giáp đất của bà Nguyễn Thị D và đất của ông Phạm Đình T.

2.1.2. Ông Phạm Đình T được quyền sử dụng phần đất là 235,7 m² trong đó có 218,3 m² thuộc một phần thửa đất số zzz, tờ bản đồ số c phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: zzz ngày 10/10/1996 và 17,4 m² đất dư có vị trí kích thước như sau:

- Phía Đông Bắc dài 14,47 mét giáp phần đất chia cho bà N, bà L, bà N1.
- Phía Nam dài 15,97 mét giáp phần đất của ông Phạm Đình C.
- Phía Đông dài 4,5 mét + 5,04 mét + 0,23 mét giáp vỉa hè đường V.
- Phía Tây dài 8,68 mét + 4,64 mét giáp đất của ông P.
- Phía Tây Bắc dài 0,97 mét + 5,82 mét giáp đất của bà Nguyễn Thị D.

(Có sơ đồ kèm theo)

2.2. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị N1 và ông Bùi Văn H, bà Đào Thị H1 như sau: Ông Bùi Văn H và bà Đào Thị H1 đồng ý đổi diện tích, vị trí, kích thước đất chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/5/2014 giữa ông Bùi Văn H và bà Đào Thị H1 với bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị N1 thành phần đất bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị N1 được chia. Ông Bùi Văn H và bà Đào Thị H1 được quyền sử dụng diện tích đất là 110,3 m² thuộc một phần thửa đất số 156, tờ bản đồ số 14 phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01437 ngày 10/10/1996 cho cụ Ngô Thị Lan có vị trí, kích thước như sau:

- Phía Đông Bắc dài 4,93 mét giáp đất nhà ông Phạm Đình T.
- Phía Tây Nam dài 14,47 mét giáp phần đất chia cho ông Phạm Đình T.
- Phía Đông dài 2,61 mét + 8,79 mét giáp vỉa hè đường V.

- Phía Tây Bắc dài 10,27 mét + 4,48 mét giáp đất của bà Nguyễn Thị D và đất của ông Phạm Đình T.

(Có sơ đồ kèm theo)

Ông Phạm Đình T, ông Bùi Văn H và bà Bùi Thị H1 có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp giấy tờ theo quy định.

2.3. Về án phí: Ông Phạm Đình T, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị N1 là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bùi Văn H và bà Đào Thị H1 phải chịu 26.199.500 đồng (*Hai mươi sáu triệu một trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng*)($110,3 m^2 \times 33.000.000 \text{ đồng}/m^2$) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 23.150.000 đồng theo biên lai số 0000239 ngày 05/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, ông Bùi Văn H và bà Đào Thị H1 phải nộp thêm tiền án phí là 3.049.500 đồng (*Ba triệu không trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương